

**TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2**  
**THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH CÁC ĐIỂM BÀN**  
**THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/12/2025. NĂM HỌC 2025-2026**

( Lưu ý: Các ngày ăn trong tháng có số tiền là bằng nhau do vậy đề nghị GV và phụ huynh học sinh giám sát việc thực hiện nấu ăn. Có vấn đề gì báo về cho Đ/c hiệu trưởng qua số máy 0944899322)

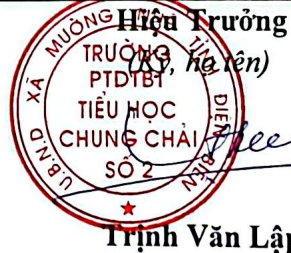
| THỨ                                                  | TÊN HÀNG                       | ĐVT  | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN       | MÓN ĂN                 |
|------------------------------------------------------|--------------------------------|------|----------|---------|------------------|------------------------|
| <b>GIA VỊ</b>                                        |                                |      |          |         |                  |                        |
| <b>GIA VỊ</b>                                        | Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g) | Gói  | 9,50     | 12.000  | 114.000          |                        |
|                                                      | Nước rửa chén Power100 400g    | Chai | 9,50     | 15.000  | 142.500          |                        |
|                                                      | Dầu ăn Cái Lân 1 lít           | Lít  | 9,50     | 60.000  | 570.000          |                        |
|                                                      | Bột ngọt meizan 1kg            | Kg   | 9,50     | 60.000  | 570.000          |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     |                                |      |          |         | <b>1.396.500</b> |                        |
| <b>TỔNG NHẬP THỨ 2</b>                               |                                |      |          |         |                  |                        |
| <b>THỨ 2 (Ngày 01; 08; 15; 22; 29 Tháng 12/2025)</b> | Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ       | Kg   | 7,80     | 138.000 | 1.076.400        | Thịt lợn xào quả su su |
|                                                      | Quả su su                      | Kg   | 4,10     | 22.000  | 90.200           |                        |
|                                                      | Rau bắp cải trắng              | Kg   | 5,33     | 20.000  | 106.600          | Rau, củ, quả nấu canh  |
|                                                      | Hành lá                        | Kg   | 0,19     | 70.000  | 13.300           |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     |                                |      |          |         | <b>1.286.500</b> |                        |
| <b>TỔNG NHẬP THỨ 3</b>                               |                                |      |          |         |                  |                        |
| <b>THỨ 3 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 12/2025)</b> | Trứng vịt                      | Kg   | 250,00   | 4.500   | 1.125.000        | Trứng rán              |
|                                                      |                                |      |          |         |                  |                        |
|                                                      | Rau bắp cải trắng              | Kg   | 7,27     | 20.000  | 145.400          | Rau, củ, quả nấu canh  |
|                                                      | Hành lá                        | Kg   | 0,23     | 70.000  | 16.100           |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     |                                |      |          |         | <b>1.286.500</b> |                        |
| <b>TỔNG NHẬP THỨ 4</b>                               |                                |      |          |         |                  |                        |
| <b>THỨ 4 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 12/2025)</b> | Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ       | Kg   | 7,80     | 138.000 | 1.076.400        | Thịt lợn xào quả su su |
|                                                      | Quả su su                      | Kg   | 4,10     | 22.000  | 90.200           |                        |
|                                                      | Rau bắp cải trắng              | Kg   | 5,33     | 20.000  | 106.600          | Rau, củ, quả nấu canh  |
|                                                      | Hành lá                        | Kg   | 0,19     | 70.000  | 13.300           |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     |                                |      |          |         | <b>1.286.500</b> |                        |
| <b>TỔNG NHẬP THỨ 5</b>                               |                                |      |          |         |                  |                        |
| <b>THỨ 5 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 12/2025)</b>     | Trứng vịt                      | Kg   | 250,00   | 4.500   | 1.125.000        | Trứng rán              |
|                                                      |                                |      |          |         |                  |                        |
|                                                      | Rau bắp cải trắng              | Kg   | 7,27     | 20.000  | 145.400          | Rau, củ, quả nấu canh  |
|                                                      | Hành lá                        | Kg   | 0,23     | 70.000  | 16.100           |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     |                                |      |          |         | <b>1.286.500</b> |                        |

Kế Toán  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng  
(Ký, họ tên)

  
Trịnh Văn Lập